

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO
(Undergraduate training program in Sports Coaching)

Trình độ đào tạo : **Đại học**
Ngành đào tạo : **Huấn luyện thể thao**
Tên tiếng Anh : **Sports training**
Mã ngành : **7140207**
Loại hình đào tạo : **Chính quy**
Hình thức đào tạo : **Tập trung**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NĂM 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 205A/QĐ-TĐTTHCM ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH TDTT TP.HCM)

Tên chương trình đào tạo:	Cử nhân huấn luyện thể thao
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Huấn luyện thể thao
Mã ngành:	7140207

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân ngành Huấn luyện thể thao (HLTT) có đầy đủ năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức, chính trị. Có kiến thức và khả năng vận dụng trong thực tiễn quản lý, hướng dẫn, giảng dạy và huấn luyện thể thao; có năng lực trong công tác tuyển chọn, quản lý huấn luyện vận động viên, tổ chức thi đấu, trọng tài, quản lý chuyên môn các đội thể thao; có kỹ năng và năng lực tổ chức các hoạt động, sự kiện thể dục thể thao phục vụ cộng đồng, hợp tác quốc tế phát triển lĩnh vực thể dục thể thao; Có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, có khả năng tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng các yêu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Ký hiệu	Mục tiêu cụ thể
	Kiến thức
PO1	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, nhân văn, chính trị, pháp luật, an ninh – quốc phòng, công nghệ thông tin và ngoại ngữ để giải quyết các vấn đề trong công tác giảng dạy, huấn luyện thể thao và tổ chức các hoạt động thuộc lĩnh vực TDTT.
PO2	Có khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản và nâng cao về khoa học huấn luyện thể thao để lập kế hoạch giảng dạy, huấn luyện, tổ chức các hoạt động thể dục thể thao.

PO3	Có hệ thống các kiến thức thức quản lý, điều hành, phương pháp triển khai đánh giá kết quả giảng dạy, huấn luyện thể thao, các nguyên tắc huấn luyện, tuyển chọn tài năng thể thao và tổ chức giám sát quá trình hoạt động TĐTT. Đạt thành tích thể thao trình độ VĐV cấp I ở môn chuyên ngành và cấp II ở hai môn chuyên ngành thể thao khác
PO4	Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có đủ trình độ theo học cao học chuyên ngành Huấn luyện TĐTT và một số chuyên ngành có liên quan tại các trường trong và ngoài nước.
	Kỹ năng
PO5	Có kỹ năng hoàn thành công việc liên quan đến lĩnh vực huấn luyện thể thao, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những công nghệ tiên tiến để giải quyết những vấn đề thực tế trong lĩnh vực giảng dạy, huấn luyện thể thao.
PO6	Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, lãnh đạo, phát hiện và giải quyết vấn đề thích ứng với sự thay đổi của môi trường và bối cảnh xã hội. Có kỹ năng tư duy, phản biện, sáng tạo, hoàn thành công việc phức tạp nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới.
PO7	Có kỹ năng xây dựng kế hoạch giảng dạy, huấn luyện; biên soạn tiến trình, giáo án huấn luyện theo yêu cầu thực tế hoạt động nghề nghiệp. Có các kỹ năng tổng hợp thông tin tư liệu phục vụ cho công tác giảng dạy, huấn luyện, tổ chức thi đấu và tuyển chọn tài năng thể thao.
	Thái độ
PO8	Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật và trách nhiệm công dân cao; Có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có tác phong nghề nghiệp và thái độ phục vụ tốt.
PO9	Ham học hỏi qua các phương tiện thông tin đại chúng, tài liệu của ngành, chuyên ngành, các lớp chuyên đề, luôn luôn học tập, bổ sung kiến thức chuyên môn để làm tốt hơn nhiệm vụ; có khả năng tìm tòi, sáng tạo trong học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực huấn luyện thể thao.
PO10	Có tinh thần bác ái và khai phóng, tôn trọng sự đa dạng và khác biệt vì hiệu quả và sự phát triển của tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan.

PO11	Tôn trọng các giá trị văn hóa, nhân văn vì sự phát triển tốt đẹp của cộng đồng và xã hội.
	Trình độ ngoại ngữ, tin học
PO12	Đạt trình độ ngoại ngữ bậc 2/6 khung năng lực ngoại ngữ 06 bậc dùng cho người Việt Nam hoặc đạt trình độ A2 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu.
PO13	Sử dụng tin học văn phòng thành thạo.

2. Chuẩn đầu ra (PLO)

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT
2.1	Kiến thức
PLO1	Trang bị cho sinh viên nắm vững khoa học huấn luyện thể lực, khoa học giáo dục và các kiến thức cơ bản chuyên ngành đào tạo môn chuyên sâu.
PLO2	Có năng lực phân tích kỹ thuật, phương pháp huấn luyện chuyên ngành đào tạo. Có tư duy giảng dạy và huấn luyện, kỹ năng cơ bản về trọng tài và phương pháp tổ chức thi đấu.
PLO3	Bước đầu có khả năng thực hiện các nghiên cứu khoa học về môn chuyên ngành, dự báo xu hướng phát triển thể thao thành tích cao.
PLO4	Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có đủ trình độ theo học cao học chuyên ngành Huấn luyện TT và một số chuyên ngành có liên quan tại các trường trong và ngoài nước.
2.2	Kỹ năng
PLO5	Có kỹ năng khởi nghiệp, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng tự học, và kỹ năng xây dựng và phát triển quan hệ cộng đồng.
PLO6	Có kỹ năng trong sử dụng công nghệ thông tin, các phần mềm ứng dụng hiện đại trong Huấn luyện TĐTT. Có kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp trao đổi liên quan đến công tác tại đơn vị.
PLO7	Có kỹ năng làm việc nhóm, phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng lãnh đạo và quản lý nhóm.
PLO8	Có Kỹ năng tư duy (tư duy hệ thống, logic, phản biện, sáng tạo), thích ứng với sự thay đổi và quản trị sự thay đổi và kỹ năng thích ứng linh hoạt trong môi trường hoạt động TĐTT.
PLO9	Đạt trình độ ngoại ngữ bậc 2/6 khung năng lực ngoại ngữ 06 bậc dùng cho người Việt Nam hoặc đạt trình độ A2 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu.
PLO10	Sử dụng tin học văn phòng thành thạo.

2.3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm.
PLO11	Có ý thức mạnh mẽ về giá trị đạo đức và khuôn khổ pháp luật trong công việc và đời sống cá nhân.
PLO12	Thể hiện tinh thần cầu tiến trong nghề nghiệp, thái độ làm việc nghiêm túc và chuyên nghiệp, năng động và sáng tạo trong công việc.
PLO13	Có tinh thần nhà quản lý và có đạo đức nghề nghiệp, tinh thần học tập suốt đời để nâng cao trình độ; trân trọng các giá trị văn hóa, nhân văn; có tinh thần bác ái và khai phóng, tôn trọng sự đa dạng khác biệt vì hiệu quả của tổ chức/doanh nghiệp, sự phát triển tốt đẹp của cộng đồng và xã hội.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 131 tín chỉ chưa kể học phần Giáo dục quốc phòng - an ninh (165 tiết).

Các khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Bắt buộc	Tự chọn
Kiến thức giáo dục đại cương	36	27.48	32	04
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	95	72.52	83	12
Tổng	131	100	115	16

4. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành và Đề án tự chủ tuyển sinh của trường Đại học TĐTT TP.Hồ Chí Minh.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm theo quy chế của Bộ Giáo dục - Đào tạo và Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ Ban hành theo Quyết định số 262/QĐ-TĐTTHCM ngày 17 tháng 09 năm 2012 của Hiệu trưởng trường Đại học Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn theo quy chế của Bộ Giáo dục - Đào tạo và Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ Ban hành theo Quyết định số 262/QĐ-TDTTHCM ngày 17 tháng 09 năm 2012 của Hiệu trưởng trường Đại học Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Cách thức đánh giá

Thang điểm 10, thang điểm 4 kết hợp với thang điểm chữ

7. Nội dung chương trình

STT	Mã số	MÔN HỌC	Số giờ	Số TC	Loại giờ tín chỉ					MÔN HỌC TIỀN QUYẾT
					Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, diễn giải, studio	Tự học, tự nghiên cứu	
					Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
3.1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 36 tín chỉ										
3.1.1. Các môn bắt buộc theo chương trình khung										
1		Triết học Mác-Lênin	45	3	38		5		2	
2		Kinh tế chính trị Mác-Lênin	30	2	20		5		5	
3		Chủ nghĩa xã hội khoa học	30	2	20		5		5	
4		Tư tưởng Hồ Chí Minh	30	2	20		5		5	
5		Lịch sử Đảng cộng sản VN	30	2	20		5		5	
6		Ngoại ngữ 1	45	3	38		5		2	
7		Ngoại ngữ 2	30	2	20		5		5	
8		Ngoại ngữ 3	30	2	20		5		5	
9		Ngoại ngữ 4	45	3	38		5		2	
10		Giáo dục học đại cương	45	3	38		5		2	
11		Tâm lý học đại cương	45	3	38		5		2	
12		Toán học thống kê	30	2	20		5		5	
13		Tin học	45	3	38		5		2	
14		Giáo dục quốc phòng an ninh	3 tuần							
		Cộng	480	32						
<i>Nhóm các môn tự chọn thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương: 4 tín chỉ trong 20 tín chỉ</i>										
15		Nhà nước và pháp luật	30	2	20		5		5	
16		Mỹ học	30	2	20		5		5	
17		Xã hội học	30	2	20		5		5	
18		Kinh tế học	30	2	20		5		5	
19		Vệ sinh học	30	2	20		5		5	
20		Giao tiếp sư phạm	30	2	20		5		5	
21		Cơ sở văn hóa Việt Nam	30	2	20		5		5	
22		Tâm lý lứa tuổi & dạy học	30	2	20		5		5	
23		Hành chính – lưu trữ	30	2	20		5		5	
24		Tiếng việt thực hành	30	2	20		5		5	
		Cộng	60	4						

3.2 KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 95 tín chỉ										
3.2.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc : 27 tín chỉ										
25		Tâm lý học TĐTT	30	2	20		5		5	
26		Giáo dục học TĐTT	30	2	20		5		5	
27		Lý luận và phương pháp TĐTT	90	6	85		10		10	
28		Giải phẫu học TĐTT	30	2	20		5		5	
29		Sinh lý học TĐTT	45	3	38		5		2	
30		Phương pháp NCKH TĐTT	30	2	20		5		5	
31		Sinh cơ học TĐTT	30	2	20		5		5	
32		Y học TĐTT	45	3	30	5		5	5	
33		Tuyển chọn và đào tạo VĐV	45	3	38		5		2	
34		Sinh hóa học	30	2	20		5		5	
Cộng			405	27						
3.2.2. Kiến thức cơ sở chuyên ngành tự chọn: 8 trong 20 tín chỉ										
35		Thể thao trường học	30	2	20		5		5	
36		Luật thể dục thể thao	30	2	20		5		5	
37		Huấn luyện thể thao hiện đại	30	2	20		5		5	
38		Đo lường TĐTT	30	2	20		5		5	
39		Quản lý TĐTT	30	2	20		5		5	
40		Huấn luyện sức mạnh và thể lực ứng dụng	30	2	20		5		5	
41		Lịch sử TĐTT & lịch sử Olympic	30	2	20		5		5	
42		Đường lối TĐTT của ĐCSVN	30	2	20		5		5	
43		Doping	30	2	20		5		5	
44		Thể thao giải trí	30	2	20		5		5	
Cộng			120	8						
3.2.3 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bắt buộc: 42 tín chỉ										
45		Điền kinh	60	2	15	30	5		10	
46		Thể dục	60	2	15	30	5		10	
47		Bơi lội	60	2	15	30	5		10	
48		Cử tạ	30	1		20	5		5	
49		HLCS	1050	35	95	810	40	65	40	
CỘNG			180	42						
3.2.4 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tự chọn: 04 trong 22 tín chỉ										
50		Bóng đá	90	3	15	60	5		10	
51		Bóng chuyền	90	3	15	60	5		10	
52		Bóng rổ	90	3	15	60	5		10	
53		Bóng bàn	90	3	15	60	5		10	

54		Cầu lông	60	2	15	30	5		10	
55		Bóng ném	60	2	15	30	5		10	
56		Võ thuật	60	2	15	30	5		10	
57		Quần vợt	30	1	5	20	2		3	
58		Vật	30	1	5	20	2		3	
59		Đá cầu	30	1	5	20	2		3	
60		Futsal	60	2	15	30	5		10	
Cộng			120	4						
3.2.5. Thực tập nghề nghiệp - đồ án và khóa luận: 14 tín chỉ										
61		Thực tập nghề nghiệp (2 tháng)		7						
3.2.6	Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương			7						
62		Lý thuyết HLCS nâng cao	60	4						
63		Lý thuyết huấn luyện TDTT nâng cao	45	3						
64		Đăng cấp bắt buộc			Môn chuyên sâu đạt tương đương đẳng cấp 1 và 2 môn đạt cấp 3					
Cộng			420	14						
TỔNG CỘNG CHUNG			2550	131						

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình đào tạo đại học ngành Huấn luyện thể thao được thiết kế theo hướng có cấu trúc kiểu đơn ngành. Danh mục các tín chỉ, học phần (môn học) và khối lượng đưa ra tại mục 7 (nội dung chương trình) là những quy định bắt buộc. Căn cứ vào những điều kiện tiên quyết của từng môn học, đồng thời căn cứ vào mục tiêu, thời gian đào tạo, khối lượng và cơ cấu kiến thức, kế hoạch giảng dạy các môn học được phân chia làm 8 học kỳ. Việc xen kẽ giữa các môn học lý thuyết và các môn học thực hành trong từng học kỳ, từng tuần, từng ngày phải đảm bảo các nguyên tắc của quá trình giáo dục và đặc thù ngành nghề đào tạo.

8.1. Phần kiến thức chuyên ngành

Trong chương trình đào tạo cử nhân Huấn luyện thể thao được thiết kế theo từng chuyên ngành hẹp. Học phần thể thao chuyên ngành gồm 13 môn học, sinh viên lựa chọn 1 trong 13 môn: điền kinh, thể dục, bơi lội, bóng đá, cầu lông, bóng rổ, bóng bàn, bóng chuyền, bóng ném, cờ vua, võ thuật, bắn súng, quần vợt.

8.2. Phần kiến thức bổ trợ

Bố trí các nội dung được lựa chọn khá tự do, chủ yếu là các môn thể thao có tính phổ cập nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong việc mở rộng năng lực hoạt động

của sinh viên sau tốt nghiệp. Ngoài kiến thức và trình độ thực hành ở môn thể thao chuyên sâu, sinh viên còn có năng lực tốt ở các môn thể thao khác.

8.3. Về nội dung các học phần

- Yêu cầu chung đối với tất cả các môn học phải được cụ thể và lượng hoá về mục tiêu, yêu cầu chuyên môn và nghiệp vụ huấn luyện. Yêu cầu sinh viên khi tốt nghiệp phải đạt trình độ VĐV ở môn thể thao chuyên ngành tương đương VĐV cấp I, ít nhất đạt 02 đẳng cấp III ở các môn thể thao khác.

- Ưu tiên hợp lý thời lượng cho các hoạt động tập luyện ngoại khoá, tự quản nhằm linh hoạt và mềm hoá chương trình, nhằm nâng cao thành tích thể thao cho sinh viên.

- Nội dung và cấu trúc chương trình của từng học phần thể hiện mục tiêu bồi dưỡng các năng lực cho sinh viên, đặc biệt năng lực chuyên môn và nghiệp vụ huấn luyện. Cân đối giữa lý luận và thực hành.

- Nội dung và thời lượng các học phần giáo dục đại cương, nghiệp vụ huấn luyện và lý luận phương pháp huấn luyện thể thao theo hướng phù hợp với yêu cầu và thực tiễn đào tạo Huấn luyện viên thể thao trình độ đại học

8.4. Tuyển sinh

Ngoài quy định chung tại Quy chế tuyển sinh của Bộ GD - ĐT, thí sinh thi vào học ngành Huấn luyện thể thao phải có năng khiếu TDTT, có thể hình cân đối, không bị dị tật, dị hình, có sức khỏe và thể lực tốt để đảm bảo học tập và công tác TDTT lâu dài. Chiều cao tối thiểu đối với nam là 165 cm, cân nặng: 45kg đối với nữ là 155 cm, cân nặng: 40kg. Thí sinh được miễn thi môn năng khiếu nếu là VĐV kiện tướng quốc gia đạt huy chương vàng các giải vô địch hạng nhất quốc gia tổ chức 1 lần trong năm; Được 9 điểm môn năng khiếu nếu thí sinh là VĐV cấp I quốc gia đạt huy chương bạc, huy chương đồng của các các giải vô địch hạng nhất quốc gia tổ chức 1 lần trong năm và tuyển thẳng nếu thí sinh là thành viên đội tuyển quốc gia, được Tổng cục TDTT hoặc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ tham gia thi đấu các giải quốc tế chính thức bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội thể thao Đông Nam Á (Seagmes), Cúp Đông Nam Á.

Hàng năm nhà trường sẽ công bố danh mục các môn thể thao chuyên ngành có tuyển sinh đầu vào. Nội dung kiểm tra ở từng môn thể thao chuyên ngành trên các phương tiện thông tin đại chúng.

8.5. Phương pháp dạy - học

Chương trình đào tạo ngành Huấn luyện thể thao có nhiều nội dung đòi hỏi gắn liền lý thuyết với thực hành. Do vậy, việc dành một tỷ lệ lớn quỹ thời gian cho thực hành là cần thiết.

Lý thuyết phải gắn liền và giữ vai trò chủ đạo đối với thực hành. Trong các giờ thực hành ngoài việc giải quyết các yêu cầu về thể lực, kỹ chiến thuật... cho hoạt động chuyên môn về TDTT, cần đặc biệt coi trọng thực hành để hình thành năng lực huấn luyện cho sinh viên.

Tăng cường áp dụng các phương pháp huấn luyện tích cực hướng vào việc đặt và giải quyết vấn đề thực tiễn của việc học tập và công tác sau này. Phải thực hiện tiêu chí quan trọng của dạy học đại học là dạy cách học cho sinh viên; trang bị cho họ những phương pháp và kỹ năng cơ bản để tăng cường khả năng tự học và nghiên cứu, có thói quen học tập suốt đời.

Đảm bảo cho sinh viên có đủ tài liệu và phương tiện học tập, khuyến khích việc giảm giờ lý thuyết trên lớp để tăng giờ thực hành và tự học cho sinh viên.

Tận dụng tối đa những công cụ và công nghệ dạy học mới. Trang bị các phòng tập đa năng, phòng y sinh học TDTT, phòng thí nghiệm mang tính đặc thù. Thường xuyên mời các chuyên gia thuộc các lĩnh vực khác nhau về giảng bài, cho sinh viên được tiếp xúc với các hoạt động TDTT thành tích cao.

Giao nhiệm vụ cho sinh viên vào thời gian tự học, nhất là đối với các nội dung hoàn thiện kỹ thuật động tác và nâng cao thành tích ở các môn thể thao.

8.6. Thi và kiểm tra

Việc kiểm tra và thi được thực hiện theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cải tiến, nâng cao chất lượng của các phương pháp kiểm tra, đánh giá truyền thống. Tăng cường vận dụng các hình thức trắc nghiệm và chấm bằng máy trắc nghiệm để nâng cao tính khách quan, tính chính xác và nhịp độ kiểm tra, tạo

điều kiện cho sinh viên tự kiểm tra và tham gia đánh giá về kiến thức, kỹ năng, thái độ... Đối với các môn thực hành cần xây dựng được các bộ tiêu chuẩn đánh giá.

8.7 Kế hoạch giảng dạy chi tiết

STT	Môn học	Số giờ	Số TC	Số giờ trong các học kỳ							
				HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
I/ KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG BẮT BUỘC: 32 TÍN CHỈ BẮT BUỘC											
a) Các môn bắt buộc theo chương trình khung											
1	Triết học Mác-Lênin	45	3	45							
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	30	2	30							
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	30	2		30						
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30	2				30				
5	Lịch sử Đảng CS Việt Nam	30	2							30	
6	Ngoại ngữ 1	45	3	45							
7	Ngoại ngữ 2	30	2		30						
8	Ngoại ngữ 3	30	2			30					
9	Ngoại ngữ 4	45	3				45				
10	Giáo dục học đại cương	45	3			45					
11	Tâm lý học đại cương	45	3		45						
12	Toán học thống kê	30	2		30						
13	Tin học	45	3	45							
14	Giáo dục Quốc phòng-An ninh	3 tuần	3 Tuần								
Cộng		480	32	165	135	75	75	0	0	30	0
b) Các môn tự chọn (Chọn 4 tín chỉ trong 20 TC)											
15	Nhà nước và pháp luật	30	2			30					
16	Mỹ học	30	2	30							
17	Xã hội học	30	2		30						
18	Kinh tế học	30	2		30						
19	Vệ sinh học	30	2	30							
20	Giao tiếp sư phạm	30	2			30					
21	Cơ sở văn hóa Việt Nam	30	2				30				
22	Tâm lý lứa tuổi & dạy học	30	2			30					
23	Hành chính - lưu trữ	30	2		30						
24	Tiếng Việt thực hành	30	2	30							
Cộng		60	4	90	90	90	30	0	0	0	0
II. / KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP											

a) Kiến thức cơ sở ngành: 27 tín chỉ											
25	Tâm lý học TDTT	30	2				30				
26	Giáo dục học TDTT	30	2					30			
27	Lý luận và phương pháp HLTT	90	6						90		
28	Giải phẫu học TDTT	30	2	30							
29	Sinh lý học TDTT	45	3						45		
30	Phương pháp nghiên cứu khoa học TDTT	30	2					30			
31	Sinh cơ học TDTT	30	2							30	
32	Y học TDTT	45	3								45
33	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	45	3						45		
34	Sinh hóa học	30	2				30				
Cộng		405	27	30	0	0	60	60	180	30	45
b) Kiến thức cơ sở ngành tự chọn: 8 tín chỉ trong 20 TC											
35	Thể thao trường học	30	2							30	
36	Luật thể dục thể thao	30	2				30				
37	Huấn luyện thể thao hiện đại	30	2				30				
38	Đo lường TDTT	30	2			30					
39	Quản lý TDTT	30	2			30					
40	Huấn luyện Sức mạnh và TL ứng dụng	30	2				30				
41	Lịch sử TDTT & lịch sử olympic	30	2		30						
42	Đường lối TDTT của ĐCSVN	30	2				30				
43	Doping	30	2					30			
44	Thể thao giải trí	30	2			30					
		120	8	0	30	90	120	30	0	30	0
c) Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bắt buộc: 42 TC											
45	Điện kinh	60	2	60							
46	Thể dục	60	2		60						
47	Bơi lội	60	2			60					
48	Cử tạ	30	1					30			
49	HLCS	1050	35	120	120	120	150	150	150	150	90
Cộng		1260	42	180	180	180	150	180	150	150	90
d) Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tự chọn: 4 tín chỉ trong 20 TC											
50	Bóng đá	60	2						60		
51	Bóng chuyền	60	2					60			
52	Bóng rổ	60	2				60				
53	Bóng bàn	60	2				60				

54	Cầu lông	60	2			60					
55	Bóng ném	60	2		60						
56	Võ thuật	60	2							60	
57	Quần vợt	60	2	60							
58	Vật	60	2				60				
59	Futsal	60	2						60		
60	Đá cầu	60	2							60	
Cộng		120	4	60	60	60	180	60	120	120	0
61	e) Thực tập nghề nghiệp (2 tháng)		7								
62	f) Khóa luận (Hoặc thay thế) 7 TC		7								
63	Lý thuyết HLCS (NC) (TN-HL)	60	4								60
64	Lý thuyết huấn luyện TDTT (NC)	45	3								45
Cộng		105	7	0	0	0	0	0	0	0	105
65	h) Thi đẳng cấp	Môn thể thao chuyên sâu đạt cấp 1, Hai môn đạt cấp 3									
Cộng		2550	131	525	495	495	615	330	450	360	240

PHỤ TRÁCH KHOA HLTT



PGS.TS LÝ VĨNH TRƯỜNG

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS ĐẶNG HÀ VIỆT

